TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: *04* /2023/DS - ST.
Ngày 29 - 6 - 2023.
V/v Kiện đòi tài sản (tiền) .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Thọ

2. Vũ Thành Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Tứ - Thẩm tra viên chính TAND huyện Hạ Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên toà: Bà Đinh Phương Mai – Kiểm sát viên

Trong ngày 23 và ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2022/TLST- DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về Kiện đòi tài sản (Tiền) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST - DS ngày 10 tháng 4 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa số: 11/TB-TA ngày 11/5/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa số 12/TB-PT ngày 12/6/2023 giữa các đương sự:

1.***Nguyên đơn***: Chi Hội người cao tuổi khu 10 xã Vô Tranh, huyện Hạ Hòa

Người đại diện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950 – Chi hội trưởng

Địa chỉ: Khu 10 xã V, huyện H, tỉnh Phú thọ

2.***Bị đơn:*** Bà Bùi Thị L, sinh năm 1944

Địa chỉ: Khu 10 xã V, huyện H, tỉnh Phú thọ

3-***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***:

Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1953

Địa chỉ: Khu 10 xã V, huyện H, tỉnh Phú thọ

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa xét xử ngày 23/6/2023. Bà Bé có đơn xin vắng mặt ngày 29/6/2023)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T là người đại diện cho Chi hội người cao tuổi khu 10 xã V, huyện H trình bày:

Tôi nhận nhiệm vụ làm Chi hội trưởng Hội người cao tuổi (NCT) khu 10 xã

V, huyện H từ tháng 01/2020. Tại thời điểm đó bà Bùi Thị L là thủ quỹ của Chi hội, là người trực tiếp quản lý quỹ và cho hội viên hoặc người ngoài hội vay tiền theo Nghị quyết của Chi hội. Từ năm 2007, theo Nghị quyết của Chi hội, lấy chân quỹ của Chi hội (số tiền của hội viên đóng trong năm) cho vay với lãi xuất 3%/tháng, 6 tháng thu lãi một lần, cuối năm thu tiền gốc và lãi. Đến năm 2017 thay đổi lãi xuất cho vay là 2%/tháng, 6 tháng thu lãi một lần, cuối năm thu tiền gốc và lãi. Đến năm 2019 mới thay đổi thu lãi một năm một lần. Khi tôi nhận nhiệm vụ thì theo báo cáo của bà L có 5 người hiện còn vay tiền của quỹ hội, trong đó có bà Nguyễn Thị B cũng là hội viên của chi hội NCT khu 10. Bà L thông báo với Chi hội là bà Nguyễn Thị B còn nợ số tiền là 13.380.000đ (chốt số tiền vào tháng 12/2018) nên ngay từ đầu năm 2019 bà L đã trừ chân quỹ của hội viên số tiền trên. Chi hội và Thanh tra của Hội người cao tuổi xã V đã nhiều lần làm việc để làm rõ, tuy nhiên do không có sự thống nhất giữa bà L và bà B về số tiền trên nên vụ việc bị kéo dài, không được giải quyết dứt điểm. Nay tôi thay mặt cho Chi Hội NCT khu 10 xã V, huyện H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa giải quyết, buộc bà L phải hoàn trả số tiền 13.380.000đ cho quỹ của Chi hội. Yêu cầu tính lãi 1,5%/tháng đối với số tiền trên, thời điểm tính lãi từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày phiên tòa xét xử xong vụ án.

2- Bà Bùi Thị L là bị đơn trình bày:

Tôi vào hội người cao tuổi năm 1999, đến năm 2001 tôi tham gia BCH, năm 2005 làm thủ quỹ của Chi hội. Tại thời điểm 2005, chân quỹ của Hội viên là 200.000đ/hội viên. Đến năm 2007 Nghị quyết của Chi hội nhất trí dùng chân quỹ của hội viên cho vay để lấy tiền lãi sử dụng vào chi phí hoạt động của Chi hội. Theo Nghị quyết thì lãi xuất cho vay là 3%/tháng, 6 tháng thu lãi một lần. Đến ngày 20/12 hàng năm phải trả cả gốc và lãi. Đến năm 2017 lãi xuất cho vay là 2%/tháng và 6 tháng thu lãi một lần. Đến năm 2019 thay đổi thu lãi một năm một lần.

Từ năm 2007 bà Nguyễn Thị B đã vay tiền của quỹ chi hội. Tháng 9/2007 vợ chồng con trai bà B là anh chị T, H cũng vay tiền của quỹ chi hội là 1.000.000đ. Tuy nhiên bà B đã nhận số nợ trên của anh chị T, H để trả cho chi hội được thuận tiện. Đến năm 2015 nhập số nợ của anh chị T, H và bà B, khi đó số tiền gốc vay và tiền lãi của hai mẹ con lên đến khoảng 28 triệu đồng. Bà B đã xin với chi hội miễn cho bà 4 tháng lãi, số tiền gốc bà B hứa sẽ trả ½. Sang năm sau (năm 2016) bà B trả được 10 triệu đồng, số tiền còn lại bà B tiếp tục vay. Đến năm 2017 bà B đã ký nhận số nợ với tôi, số tiền khoảng 18 triệu đồng. Đầu tháng 12/2018 tôi công bố trước hội nghị của Chi hội về số nợ của bà B, tính cả gốc và lãi còn nợ là khoảng 21triệu đồng và xác nhận bà B có trả được số tiền là 8.600.000đ vào ngày 16/12/2018. Đến hội nghị cuối năm 2018 tôi công bố bà B đã trả được 8.600.000đ và hiện còn nợ lại số tiền là 13.380.000đ. Tuy nhiên Bà B không nhất trí với số nợ tôi đã công bố. Bà B nói chỉ còn nợ số tiền là 8.600.000đ và đã trả, tôi cũng đã ký nhận số tiền trên. Tôi không đồng ý với ý kiến của bà B. Tại các cuộc làm việc của

Ban kiểm tra của Hội và địa phương, tôi vẫn giữ quan điểm bà B hiện còn nợ chân quỹ của Chi hội chứ tôi không được giữ số tiền mà Chi hội đang yêu cầu. Tôi không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Chi hội. Đề nghị Tòa án làm rõ và giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

3- Bà Nguyễn Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Tôi công nhận từ năm 2006, 2007 tôi có vay tiền của chi hội người cao tuổi khu 12 (nay là khu 10) xã V, huyện H. Tuy nhiên đến ngày 30/6/2012 tôi và bà L là thủ quỹ của Chi hội chốt lại số tiền tôi còn nợ là 10.846.000đ và số tiền con tôi là anh chị T, H vay là 4.966.800đ. Tổng cộng: 15.812.800đ. Theo Nghị quyết của Chi Hội thì tiền chân quỹ của chi hội được cho các hội viên và những người ngoài Chi hội vay với lãi xuất là 3%/tháng (theo Nghị quyết của Chi hội là cho vay lãi xuất 3%/tháng). Khi đó do khó khăn và cũng được Chi hội giúp đỡ được vay nên tôi hoàn toàn nhất trí vay với lãi xuất là 3%/tháng. Toàn bộ số liệu tôi vay tiền và trả nợ của tôi là do bà L cung cấp, tôi không có sổ theo dõi. Những lần trả nợ và số tiền tôi đã trả được thể hiện tại Biên bản ngày 22/9/2019 của ban kiểm tra Hội người cao tuổi của xã V là đúng. Trong thời gian từ năm 2012 đến năm 2018 bà L bảo tôi trả bao nhiêu, tôi trả bấy nhiêu, tôi cũng không kiểm tra xem số tiền vay và tiền lãi được bà L tính toán như thế nào. Đến ngày 16/12/2018 tôi đã thanh toán nốt số tiền 8.600.000đ cho bà L (bà L cũng đã ký vào và xác nhận tôi đã trả 8.600.000đ và thanh toán xong nợ). Đến ngày 16/12/2018 tổng số tiền tôi đã trả cả gốc và lãi là 46.400.000đ và đã thanh toán hết số nợ của Chi hội. Nay bà L cho rằng tôi còn nợ quỹ của Chi hội là 13.380.000đ là không đúng. Tôi xác nhận số tiền gốc của tôi và con tôi vay của Chi hội được chốt lại với bà L tính đến ngày 30/6/2012 là 15.812.800đ. Tôi đồng ý và chấp nhận với Nghị quyết của Chi hội cho vay tại thời điểm năm 2012 lãi xuất là 3%/tháng, đến năm 2017 lãi xuất là 2%/tháng. Ngày 16/12/2018 tôi đã thanh toán số tiền 8.600.000đ, có xác nhận của bà L (có văn bản được viết ngày 16/12/2018). Do vậy đến nay tôi không còn nợ khoản tiền gì của Chi hội. Đề nghị Tòa án tính toán lại số tiền tôi đã trả, nếu tôi trả thừa tiền thì tôi xin được trả lại.

Tại phiên tòa, ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc bà Bùi Thị L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho quỹ của Chi hội Người cao tuổi khu 10 xã V số tiền 13.380.000đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 cho đến ngày xét xử xong vụ án với lãi xuất là 1,5% một tháng.

Bà L và bà B thống nhất chốt số tiền cho vay vào ngày 30/6/2012 là 15.812.800đ.

Bà L và bà B thống nhất số tiền bà Bé đã trả được là 46.400.000đ theo bản thống kê của Ban kiểm tra Hội người cao tuổi xã V, huyện H làm việc ngày 22/9/2019 là đúng (BL 17-18).

Bà L xác nhận cách tính tiền lãi đối với khoản tiền bà B vay theo văn bản làm việc ngày 25/9/2009 của Ban kiểm tra Hội NCT xã V là đúng (BL 31-32).

Bà L không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chi hội Người cao tuổi khu 10 xã V, huyện H đòi bà phải hoàn trả số tiền là 13.380.000đ.

Bà B khẳng định vào ngày 16/12/2018 đã trả số tiền 8.600.000đ và thanh toán hết số nợ của hai mẹ con bà đối với Chi hội (có xác nhận của bà L). Bà không yêu cầu phải tính toán lại đối với số tiền đã trả cho Chi hội.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ quy định tại điều 466, 468, 357 của Bộ luật dân sự; khoản 1 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự ; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chi hội người cao tuổi khu 10 xã V, huyện H, tỉnh Phú thọ.

Đề nghị xử: Buộc bà Bùi Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho Chi hội Người cao tuổi khu 10 xã V, huyện H số tiền 13.380.000đ (Mười ba triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 5.989.512đ. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 19.369.512đ.

Kể từ ngày Chi hội người cao tuổi có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí DSST: Miễn toàn bộ án phí cho bà Bùi Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị L là thủ quỹ của Chi hội NCT khu 10 xã V, huyện Hạ Hòa được giao nhiệm vụ quản lý quỹ của Hội viên và sử dụng quỹ của Chi hội cho vay để lấy tiền lãi chi phí sinh hoạt của Chi hội trong năm. Cuối năm 2018 bà L báo cáo quyết toán hiện bà Nguyễn Thị B là hội viên của Chi hội còn nợ số tiền là 13.380.000đ nên không có tiền để bà trả vào quỹ cho Chi Hội. Từ năm 2019 Thanh tra của Hội người cao tuổi xã V và địa phương đã nhiều lần làm việc nhưng không có kết quả. Chi hội Người cao tuổi khu 10 xã V khởi kiện yêu cầu bà L phải hoàn trả số tiền 13.380.000đ. Xác định đây là trách nhiệm của bà L trong việc thực hiện công việc được Chi hội giao. Xác định quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án này: Kiện đòi tài sản (Tiền), vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hạ Hòa. Tòa án đã triệu tập làm việc, tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật, tuy nhiên các bên đương sự không thỏa thuận

thống nhất để giải quyết vụ án. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

[2] Về nội dung: .

Theo tài liệu do nguyên đơn cung cấp thì tại Hội nghị toàn thể hội viên ngày 21/6/2009 thể hiện việc lấy chân quỹ của chi hội cho vay với lãi xuất là 3%/tháng. Tại Nghị quyết Chi hội họp ngày 23/7/2011 nhất trí lấy chân quỹ của Hội viên cho vay 6 tháng thu lãi một lần, 1 năm trả cả gốc lẫn lãi, chi hội thu 11 tháng. Ông T, bà L và bà B đều công nhận việc Chi hội cho vay với lãi xuất 3%/tháng, 6 tháng thu lãi một lần, 1 năm trả gốc và lãi. Nghị quyết của Chi hội không quy định cụ thể về việc người vay không trả được tiền gốc vay và tiền lãi thì phải tính toán như thế nào.

Bà L là thủ quỹ của Chi hội NCT khu 12 (nay là khu 10) xã V được giao nhiệm vụ quản lý quỹ của Hội viên và sử dụng quỹ cho hội viên hoặc người dân khác vay để lấy tiền lãi sử dụng vào chi phí hoạt động của chi hội trong năm. Trên cơ sở Nghị quyết của Chi hội, bà L đã cho những hội viên và cả người ngoài Chi hội vay tiền, lấy tiền lãi cho Chi hội hoạt động. Để giảm thủ tục cho vay, Chi hội nhất trí giao khoán cho bà L là thủ quỹ tự làm thủ tục cho các hộ gia đình vay và quyết toán với chi hội là 11 tháng lãi. Hàng năm, bà L cũng đã lấy toàn bộ chân quỹ của chi hội để cho vay và không để lại quỹ lưu động. Ông T, bà L, bà B công nhận từ những năm 2008 đến trước năm 2018 việc bà L cuối năm quyết toán với Chi hội đều không có vướng mắc gì, không báo cáo có ai nợ tiền gốc và nợ tiền lãi. Tuy nhiên, thực tế trên sổ sách của bà L theo dõi cho vay còn có trường hợp của bà B vẫn còn nợ tiền gốc và tiền lãi từ năm này qua năm khác. Điều này chứng tỏ giữa hai bà ngầm thỏa thuận với nhau và không báo cáo với Chi hội. Đây là lỗi của bà L trong khi thực hiện nhiệm vụ đã được Chi hội giao.

Theo bản tự khai, bà L công nhận việc bà B vay tiền của Chi hội đã không thực hiện trả tiền lãi đầy đủ và đúng thời hạn. Do vậy quá thời hạn 6 tháng phải thanh toán tiền lãi, do bà B không trả nên đã tính tiền lãi đó cộng vào tiền gốc và tính tiếp tiền lãi những tháng tiếp theo. Việc tính lãi theo cách trên không được quy định cụ thể trong Nghị quyết của Chi hội, đó là do bà L tự tính toán. Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 thì Chi hội cho vay với lãi xuất 3%/tháng, một năm lãi xuất là 36% là vi phạm pháp luật, vượt quá 150% của lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố (9%/năm). Bà L tính tiền lãi trên cơ sở tiền lãi cộng vào gốc và tính lãi tiếp là không đúng với quy định của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, việc chi hội cho vay với lãi xuất là 3%/tháng và việc bà L tính lãi như trên chưa đến mức xử lý về hình sự.

Đối với khoản tiền bà B đã vay của Chi hội, tại phiên toà bà L và bà B thống nhất số tiền gốc vay là 15.812.800đ (bao gồm cả khoản vay của vợ chồng anh chị T H) được chốt vào ngày 30/6/2012. Bà B đồng ý vay theo lãi xuất của Chi hội đã đặt ra là 3%/tháng. Bà B thừa nhận từ khi chốt khoản vay cho đến thời điểm năm 2018 do bà có khó khăn về kinh tế nên việc trả tiền lãi và tiền gốc không theo quy

định. Bà vẫn nợ tiền gốc và tiền lãi từ năm này qua năm khác. Việc báo cáo quyết toán với Chi hội như thế nào và việc tính toán tiền lãi như thế nào là do bà L. Bà B và bà L đều công nhận tính đến tháng 12/2018 bà B đã trả được số tiền là 46.400.000đ cả tiền gốc và tiền lãi.

Nếu theo Nghị quyết của Chi hội, lãi xuất cho vay là 3%/ tháng với số tiền gốc là 15.812.800đ được tính từ ngày 30/6/2012 đến hết tháng 12/2016 là 4 năm 6 tháng, bà Bé phải trả là: 15.812.800đ x 3%/tháng x 54 tháng = 25.616.736 đ tiền lãi.

Từ ngày 01/01/2017 đến hết tháng 12/2018 (24 tháng) lãi xuất là 2%, tiền lãi được tính là: 15.812.800đ x 2%/tháng x 24 tháng = 7.590.144đ.

Tổng cộng tiền lãi: 25.616.736đ + 7.590.144đ= 33.206.880đ. Chi hội cho bà B 4 tháng tiền lãi là 1.897.536đ. Số tiền lãi còn là 31.309.344đ. Như vậy, cả tiền gốc và tiền lãi bà B phải trả cho chi hội đến hết tháng 12/2018 là 47.122.144đ. Bà B đã trả được số tiền là 46.400.000đ, số tiền còn lại là 722.144đ nếu chi hội có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

Việc bà L báo cáo bà B còn nợ số tiền 13.380.000đ là không có căn cứ.

Theo báo cáo của Chi hội NCT khu 10 xã V, huyện H thì thu chi của Chi hội NCT bao gồm chân quỹ của hội viên và các khoản thu khác như thu thuế ruộng, hội phí …Chân quỹ của Hội viên tăng theo từng năm, cụ thể: năm 2016 có 48 hội viên, chân quỹ 800.000đ/hội viên. Năm 2017 hội viên tăng lên là 50, chân quỹ là 900.000đ/hội viên. Năm 2018 là 54 hội viên, chân quỹ là 1.000.000đ/hội viên, tổng số chân quỹ của hội viên là 54 hội viên x 1.000.000đ/hội viên = 54.000.000đ. Số tiền này được bà L cho vay hết. Đến năm 2019 hội viên là 54, chân quỹ là 1.100.000đ/hội viên. Tổng chân quỹ năm 2019 là 59.400.000đ, tuy nhiên bà L báo cáo bà B còn nợ số tiền 13.380.000đ nên bà trừ luôn vào chân quỹ, nên chân quỹ chỉ còn là 46.020.000đ để cho vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã yêu cầu các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ tuy nhiên bà L đã không cung cấp đầy đủ sổ sách, giấy tờ liên quan đến việc theo dõi, quyết toán thu chi đối với Chi hội. Không cung cấp số sách giấy tờ theo dõi khoản vay của bà B từ năm 2012 đến 2015. Việc cung cấp tài liệu, chứng cứ là nghĩa vụ của các đương sự. Bà Lượt không cung cấp được và không đầy đủ thì phải chịu trách nhiệm. Toà án giải quyết trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ đã được các đương sự cung cấp.

Bà B cung cấp cho Toà án 01 văn bản đề ngày 16/12/2018 với nội dung: bà L xác nhận bà B đã trả 8.600.000đ và những khoản nợ của bà B và anh chị T H đã thanh toán xong. Văn bản trên có chữ ký của bà Bùi Thị L. Quá trình giải quyết vụ án bà L thừa nhận có ký văn bản đó nhưng chỉ là xác nhận bà bé đã trả 8.600.000đ vào ngày 16/12/2018 chứ không phải xác nhận bà Bé đã thanh toán xong hết khoản nợ. Tuy nhiên bà L không chứng minh được việc bà ký văn bản đó là do bị lừa dối hay bị ai ép buộc...

Đối với yêu cầu tính tiền lãi của Chi hội NCT là 1,5%/tháng đối với số tiền

13.380.000đ. Theo quy định tại khoản 2 điều 468 của BLDS thì các bên không có thoả thuận về lãi xuất, chỉ chấp nhận tính lãi theo quy định của BLDS đó là 10%/năm, một tháng là 0,83%. Như vậy, tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 29/6/2023 là 4 năm 5 tháng 28 ngày (53 tháng 28 ngày). Tiền lãi được tính như sau: 13.380.000đ x 0,83%/tháng x 53 tháng 28 ngày = 5.989.512đ.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Chi hội người cao tuổi khu 10 xã Vô Tranh có căn cứ chấp nhận. Cần buộc bà L có nghĩa vụ hoàn trả cho Chi hội NCT khu 10 xã V, huyện H số tiền 13.380.000đ và tiền lãi tính từ ngày 01/01/2019 đến ngày 29/6/2023 là 5.989.512đ.

[3] Về án phí: Bà Bùi Thị L phải chịu án phí DSST, tuy nhiên bà L là người cao tuổi thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và có đơn xin miễn án phí, HĐXX xét miễn toàn bộ án phí DSST cho bà Bùi Thị Lượt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 466, 468, 357 của Bộ luật dân sự; khoản 1 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự ; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chi hội người cao tuổi khu 10 xã V, huyện H, tỉnh Phú thọ.

Buộc bà Bùi Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho Chi hội Người cao tuổi khu 10 xã V, huyện H số tiền 13.380.000đ (Mười ba triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) và tiền lãi là 5.989.512đ (Năm triệu chín trăm tám mươi chín nghìn năm trăm mười hai đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 19.369.512đ (Mười chín triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn năm trăm mười hai đồng).

Kể từ ngày Chi hội người cao tuổi có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí DSST: Miễn án phí cho bà Bùi Thị L.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Các đương sự
- VKSND H. Hạ Hòa
- CCTHADS H.Hạ Hòa
- Lưu HS-VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Lạc